

Số: ~~77~~ /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2014

TỜ TRÌNH

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2015

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Cán bộ công chức ngày 13/11/2008, Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và các văn bản Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành;

UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố kết quả thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND Thành phố về biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2014 và kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2015 của Thành phố như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND THÀNH PHỐ NĂM 2014

1. Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức

1.1. Cơ quan hành chính:

Các cơ quan hành chính tiếp tục ổn định mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ.

- Các Sở và cơ quan chuyên môn tương đương trực thuộc UBND Thành phố: 23 đơn vị (danh sách tại Biểu 1).

- UBND quận, huyện, thị xã: 30 đơn vị, tăng 01 đơn vị sau khi thực hiện Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 27/12/2013 của Chính phủ, thành lập 2 quận mới Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm trên cơ sở tách từ huyện Từ Liêm.

- UBND xã, phường, thị trấn: 584 đơn vị, tăng 7 đơn vị sau khi thành lập 23 phường mới thuộc 2 quận Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm trên cơ sở 15 xã và 1 thị trấn của huyện Từ Liêm.

1.2. Đơn vị sự nghiệp:

Tổng số các đơn vị sự nghiệp và các hội được giao biên chế sự nghiệp: 2.764 đơn vị (tăng 34 đơn vị so với năm 2013), cụ thể:

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố và các sở, ngành: 438 đơn vị (tăng 5 đơn vị, trong đó: chia tách, thành lập mới: 5 đơn vị; hợp nhất: 2; sáp nhập: 1; nâng cấp: 1 - *danh sách cụ thể tại Biểu 3*)

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã: 2.315 đơn vị (tăng 29 đơn vị, trong đó: chia tách, thành lập mới 36 đơn vị - chủ yếu là các tổ chức sự nghiệp thuộc 2 quận mới và thêm trường mầm non, tiểu học; giải thể, chuyển đổi: 7- *danh sách cụ thể tại Biểu 3*)

- Các tổ chức Hội được giao biên chế: 11 đơn vị.

2. Kết quả thực hiện biên chế

2.1. Biên chế hành chính:

a. Biên chế công chức:

- Biên chế theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND giao: 9.293 biên chế, trong năm Bộ Nội vụ giao bổ sung cho quận Nam Từ Liêm và quận Bắc Từ Liêm: 115 biên chế¹. Tổng số: 9.408 biên chế.

- UBND Thành phố đã giao cho các đơn vị: 9.397 biên chế, dự phòng: 11 biên chế.

- Số thực hiện (tính đến ngày 01/9/2014): 8.084 biên chế (chưa tính số thi tuyển, tuyển dụng đến cuối năm 2014 khoảng 500 người, thấp hơn so với số biên chế được giao 800 biên chế). Số biên chế thiếu, Thành phố đang tiếp tục tuyển dụng trong kế hoạch của năm 2014 với 428 chỉ tiêu² và xây dựng kế hoạch tuyển dụng trong quý I/2015.

b. Lao động hợp đồng:

- UBND Thành phố đã giao theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND cho các đơn vị: 1.581 chỉ tiêu, gồm 947 chỉ tiêu theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và 634 chỉ tiêu hợp đồng theo định mức.

- Số thực hiện: 1.269 người, trong đó có 848 người hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và 421 người hợp đồng theo định mức³.

2.2. Biên chế sự nghiệp:

a. Biên chế viên chức:

- Nghị quyết số 29/NQ-HĐND giao: 128.999 biên chế (phân bổ cho các đơn vị 128.180 biên chế; dự phòng: 819 biên chế);

- UBND Thành phố đã phân bổ cho các đơn vị: 128.413 biên chế, dự phòng còn lại 586 biên chế (đã sử dụng 233 biên chế từ nguồn dự phòng để giao cho các đơn vị thành lập mới).

- Số thực hiện (tính đến ngày 01/9/2014): 112.113 biên chế, thấp hơn so với số được giao: 16.886 biên chế. Biên chế chưa sử dụng tập trung ở các đơn vị sự nghiệp thuộc các sở Y tế, Nông nghiệp phát triển nông thôn, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các trường mầm non huyện..., đang được các đơn vị khẩn trương đăng ký kế hoạch tuyển dụng để tuyển dụng trong năm 2015.

¹ Quyết định số 991/QĐ-BNV ngày 29/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ: bổ sung 115 biên chế công chức cho thành phố Hà Nội. Thường trực HĐND Thành phố có Văn bản số 484/HĐND ngày 16/10/2014 thống nhất đề UBND Thành phố ban hành quyết định giao.

² Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 của UBND Thành phố: KH tuyển dụng công chức năm 2014 là 885 chỉ tiêu (tiếp nhận không qua thi tuyển 428 chỉ tiêu, thi tuyển 457 chỉ tiêu). Ngày 27/10/2014, UBND TP công nhận kết quả với 227 thí sinh trúng tuyển.

³ 421 người hợp đồng theo định mức, cụ thể gồm: 242 người tại Thanh tra xây dựng (thuộc sở Xây dựng) căn cứ định biên quy định tại Quyết định 89/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng (thí điểm thành lập TTXD cấp quận, cấp phường tại TP.Hà Nội) trước khi chuyển đổi tổ chức theo Nghị định 26/2013/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Xây dựng; và 137 người tại Thanh tra giao thông (thuộc sở Giao thông vận tải) để bố trí theo Đề án "Tăng cường biên chế, trang thiết bị cho lực lượng TTGTVT" được phê duyệt tại Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 05/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

b. Lao động hợp đồng:

- Nghị quyết số 29/NQ-HĐND giao: 18.073 chỉ tiêu LĐHĐ, gồm 10.722 chỉ tiêu theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (phân bổ cho các đơn vị 10.652 biên chế; dự phòng: 70 chỉ tiêu) và 7.351 chỉ tiêu định mức lao động.

- UBND Thành phố phân bổ đúng cho các đơn vị.

- Số thực hiện (tính đến ngày 01/9/2014): 14.463 chỉ tiêu. Trong đó:

+ Lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 8.554 người.

+ Lao động hợp đồng trong chỉ tiêu định mức lao động: 5.909 người.

3. Đánh giá kết quả thực hiện:

Năm 2014, UBND Thành phố đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ được HĐND Thành phố giao tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND, cụ thể:

3.1. Thực hiện giao biên chế cùng với giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2014; là căn cứ để các đơn vị thực hiện tuyển dụng, bố trí công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ.

3.2. Thành phố đã tăng cường thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất đối với các cơ quan, đơn vị trong quản lý tổ chức bộ máy, thực hiện kế hoạch biên chế, yêu cầu các đơn vị đăng ký tuyển dụng để bổ sung số công chức còn thiếu so với chỉ tiêu biên chế được giao, tránh sử dụng lao động hợp đồng thay cho công chức.

UBND Thành phố đã có văn bản số 5686/UBND-NC ngày 31/7/2014 chấn chỉnh công tác quản lý biên chế, tiền lương cán bộ, công chức tại các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã; yêu cầu các đơn vị rút kinh nghiệm và chấn chỉnh ngay tình trạng thực hiện chưa đúng quy định. Các đơn vị đã nghiêm túc thực hiện khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, đặc biệt quyết liệt chấm dứt sử dụng hợp đồng lao động làm các công việc chuyên môn thay cho công chức, hoặc sử dụng số lượng hợp đồng vượt quá chỉ tiêu biên chế được giao.

3.3. Công tác tuyển dụng công chức, viên chức, nhằm bổ sung đủ số lượng người làm việc cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, nâng cao chất lượng đội ngũ qua tuyển dụng và phòng chống tiêu cực tiếp tục được đổi mới, hiệu quả rõ nét.

Việc tuyển dụng công chức được triển khai theo đúng tiến độ. Sở Nội vụ thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra công tác tuyển dụng của các đơn vị. Việc tuyển dụng đặc cách vào công chức không qua thi tuyển với các trường hợp điều động, luân chuyển, người có kinh nghiệm công tác, các đối tượng sinh viên tốt nghiệp thủ khoa xuất sắc... được tổ chức định kỳ thông qua Hội đồng sát hạch công chức cấp Thành phố và ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ theo quy trình quy định.

Thành phố đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức thi tuyển công chức, đảm bảo kỳ thi công bằng, nghiêm minh: có 3/5 môn thi gồm trắc nghiệm môn nghiệp vụ chuyên ngành, ngoại ngữ, tin học văn phòng, đều thực hiện trên máy tính; việc thi và coi thi tại các phòng thi được giám sát bởi

camera; ngân hàng câu hỏi các môn trắc nghiệm được công khai trước ngày thi để các thí sinh ôn tập. Việc lập dữ liệu thí sinh, làm phách, vào điểm, xử lý kết quả bằng phần mềm tin học, đảm bảo chính xác tuyệt đối và bảo mật.

Việc tuyển dụng viên chức tiếp tục được phân cấp cho các sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã theo quy định. UBND Thành phố đã phê duyệt kế hoạch thi tuyển cho các sở, ngành, quận, huyện kịp thời. Có 41 đơn vị sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã được phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức cho các đơn vị trực thuộc với 9.347 chỉ tiêu. Các cơ quan của Thành phố đã tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, ra đề thi chung, lắp đặt camera giám sát ở các phòng thi vấn đáp... Đến nay, các quận, huyện, thị xã đã tổ chức xong kỳ thi tuyển viên chức giáo viên với 8.507 chỉ tiêu, và đã ban hành quyết định tuyển dụng từ tháng 9/2014.

3.4. Về kiện toàn, sắp xếp tổ chức, bộ máy:

UBND Thành phố đã tập trung chỉ đạo tăng cường rà soát chức năng, nhiệm vụ tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, gắn với yêu cầu tinh gọn bộ máy và tinh giản biên chế. Tại 2 quận mới, tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đi vào hoạt động ngay, ổn định, đúng kế hoạch⁴; Trong năm, tiếp tục thực hiện thống nhất mô hình kiện toàn, thành lập Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện⁵ theo quy định của Chính phủ và đề án của Thành phố; tiến hành sắp xếp, kiện toàn các tổ chức, cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ chưa phù hợp chuyển về quản lý theo ngành, lĩnh vực; thực hiện sáp nhập các đơn vị để giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động⁶.

Thành phố đang tiếp tục kiện toàn, sắp xếp đối với các đơn vị, cụ thể:

- Triển khai sắp xếp tổ chức Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, hoàn thành trong năm 2014. Chỉ đạo nghiên cứu rà soát, kiện toàn mô hình hoạt động các Trung tâm phát triển quỹ đất trong năm 2015 theo quy định.

- Hoàn thành lập hồ sơ, gửi Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

- Hoàn chỉnh đề án thành lập Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch Thành phố, trình Bộ Nội vụ và Chính phủ, trên cơ sở sáp nhập 04 đơn vị (gồm: Trung tâm Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư, Trung tâm Xúc tiến du lịch thuộc Sở Văn hóa thể thao và du lịch, Trung tâm Xúc tiến thương mại Hà Nội thuộc Sở Công thương, Trung tâm Thông tin và xúc tiến đầu tư thuộc Ban Quản lý khu công nghiệp và chế xuất). Dự kiến Trung tâm sẽ đi vào hoạt động trong năm 2015, thực hiện thu gọn các đầu mối trong công tác xúc tiến đầu tư của Thành phố nói chung.

⁴ Tổ chức thêm 8 đơn vị sự nghiệp tại 2 quận mới Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm.

⁵ 07 Trung tâm thuộc các quận, huyện: Đông Anh, Hà Đông, Đan Phượng, Thanh Oai, Thường Tín, Phú Xuyên, Thạch Thất.

⁶ Hợp nhất trạm Phân tích và chứng nhận sản phẩm cây trồng thuộc Chi cục Bảo vệ thực vật và Trạm Kiểm định chất lượng nông lâm và thủy sản thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội; thành Trung tâm phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; Sáp nhập Trung tâm da liễu Hà Đông vào Bệnh viện da liễu Hà Nội, thuộc Sở Y tế, Giải thể Đài truyền thanh huyện Từ Liêm.

- Tiến hành quy trình sáp nhập trong năm 2014 đối với các đơn vị: Trung tâm Y tế Công nghiệp Hà Nội vào Bệnh viện Tim Hà Nội; Trung tâm Y tế Xây dựng Hà Nội vào Bệnh viện đa khoa Hòe Nhai trực thuộc Sở Y tế; Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và Trung tâm Giới thiệu việc làm trực thuộc Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất thành một đơn vị; hợp nhất Ban Quản lý các dự án Công nghệ thông tin & viễn thông và Ban QLDA phát triển Công nghệ thông tin & truyền thông thành Ban Quản lý dự án thông tin và truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

3.5. Triển khai tích cực nhiệm vụ hoàn thành xây dựng Đề án vị trí việc làm. Đến nay, tất cả các cơ quan hành chính thuộc Thành phố cơ bản đã hoàn thành xây dựng đề án theo Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 05/5/2014 của UBND Thành phố, gửi hồ sơ về Sở Nội vụ để thẩm định, tổng hợp chung toàn Thành phố, hoàn thành trong tháng 12/2014 để báo cáo Bộ Nội vụ phê duyệt.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2015

1. Quan điểm và căn cứ xây dựng kế hoạch

a. Đối với biên chế công chức hành chính:

Quán triệt Nghị quyết TW7 - khóa XI, chỉ đạo của Chính phủ về quản lý công vụ, công chức và lộ trình xây dựng đề án tinh giản biên chế của Bộ Nội vụ không tăng biên chế hành chính từ nay đến năm 2016, trừ khi có thành lập đơn vị mới hoặc được giao thêm chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

b. Đối với biên chế sự nghiệp:

- Thực hiện giao biên chế theo quy định tại các Thông tư của Bộ, Ngành liên quan hướng dẫn định mức biên chế viên chức tại các cơ sở giáo dục, các cơ sở y tế nhà nước, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề, các cơ sở bảo trợ xã hội⁷ và trên cơ sở thực tế nhu cầu sử dụng.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp khác (ngoài khối Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động, thương binh và xã hội): Cơ bản giữ nguyên số biên chế viên chức sự nghiệp đã giao năm 2014; chỉ xem xét bổ sung cho các đơn vị khi có thêm nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền quyết định và hình thành tổ chức bộ máy mới.

- Đối với 11 Hội đã được giao biên chế: Giữ nguyên biên chế viên chức đã giao, số biên chế viên chức giảm do nghỉ hưu hoặc chuyển công tác sẽ thay thế bằng giao chỉ tiêu định suất lao động, làm cơ sở hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các Hội.

- Về LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: trên cơ sở thực tế nhu cầu sử dụng để giao bổ sung bố trí đủ nhân viên bảo vệ, lái xe cho các đơn vị.

⁷ Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của BGDĐT-BNV hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, Thông tư liên tịch số 71/2007/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2007 hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 24/2011/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2011 của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội đối với trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề; Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước; Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ đối với cơ sở bảo trợ xã hội.

2. Kế hoạch sử dụng biên chế năm 2015

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của Thành phố trong năm 2015, với quan điểm và căn cứ nêu trên, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kế hoạch sử dụng biên chế của thành phố năm 2015, và đề nghị HĐND Thành phố thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2015 để UBND Thành phố quyết định giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị của Thành phố như sau:

2.1. Biên chế hành chính: 11.066 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 9.408 biên chế (giữ nguyên số giao năm 2014, gồm dự phòng: 11 biên chế).

- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.279 chỉ tiêu⁸.

- Lao động hợp đồng theo định mức: 379 chỉ tiêu⁹.

2.2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 151.078 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 131.273 biên chế (gồm dự phòng: 100 biên chế)¹⁰.

- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 12.167 chỉ tiêu¹¹.

- Lao động hợp đồng theo định mức: 7.638 chỉ tiêu¹².

(Chi tiết theo biểu số 01, 02 kèm theo)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Để quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ biên chế được giao, UBND Thành phố đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau:

1. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI và các Nghị quyết của HĐND Thành phố về tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng biên chế; hướng dẫn bố trí biên chế, thực hiện chế độ chính sách cho các đối tượng đúng quy định của nhà nước và thành phố.

2. Năm 2015: Hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Thành phố. Đây là cơ sở xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm giao cho các cơ quan, đơn vị, đảm bảo nguyên tắc tạo sự chủ động cho đơn vị sử dụng hiệu quả biên chế được giao trên cơ sở tổng biên chế không thay đổi.

⁸ So với năm 2014: tăng 332 chỉ tiêu.

⁹ So với năm 2014: thấp hơn 255 chỉ tiêu. Trong khi Thành phố tiếp tục đề nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ tăng biên chế cho lực lượng Thanh tra giao thông vận tải và Thanh tra xây dựng, căn cứ theo mô hình tổ chức và số lượng công chức tại các Quyết định của Thủ tướng (QĐ 321/QĐ-TTg năm 2010; QĐ 89/2007/QĐ-TTg chuyển sang Nghị định 26/2013/NĐ-CP), thì tiếp tục giao biên chế hợp đồng theo định mức như các năm trước cho 2 lực lượng này.

¹⁰ So với năm 2014: tăng 2.274 biên chế. Cụ thể: Sự nghiệp y tế tăng 686 chỉ tiêu; sự nghiệp GD&ĐT quận, huyện, thị xã tăng 2.401 chỉ tiêu; các đơn vị sự nghiệp khác giảm 813 chỉ tiêu.

¹¹ So với năm 2014: tăng 1.445 chỉ tiêu (cho các đơn vị thuộc khối y tế, khối sự nghiệp quận, huyện, thị xã trước đây chưa được bố trí chỉ tiêu làm bảo vệ cơ quan).

¹² So với năm 2014: tăng 287 chỉ tiêu (HDLĐ nhân viên nuôi dưỡng trong trường mầm non).

3. Quyết liệt rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố gắn với yêu cầu tinh giản bộ máy và giảm biên chế. Kiên quyết tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các đơn vị hoạt động hiệu quả thấp, hoặc đã hết chức năng, nhiệm vụ. Những đơn vị đã được thống nhất đưa vào diện rà soát, sắp xếp lại thì UBND Thành phố không giao thêm chức năng, nhiệm vụ để tập trung hoàn thành rà soát.

Một số nội dung cụ thể:

- Kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính theo đúng quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ (thay thế các Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và 14/2008/NĐ-CP về tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện), và các Thông tư của các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ đối với các cơ quan chuyên môn.

- Sơ kết đánh giá bộ máy Thanh tra xây dựng sau kiện toàn, sắp xếp theo Nghị định số 26/2013/NĐ-CP; rà soát biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ, có lộ trình cắt giảm hợp đồng theo định mức bố trí cho lực lượng thanh tra xây dựng và thanh tra giao thông, đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đô thị, trật tự an toàn giao thông.

- Sắp xếp các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận, huyện, thị xã để thực hiện tổ chức mô hình Văn phòng đăng ký đất đai theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, hoàn thành trong năm 2014.

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng Thành phố, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng các quận, huyện, thị xã và Trung tâm phát triển quỹ đất, để kiện toàn, sắp xếp phù hợp quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Rà soát về quản lý, sử dụng biên chế tại các Ban quản lý dự án của các sở, ngành và quận, huyện, thị xã, tiến tới chỉ giao biên chế để hình thành bộ khung tổ chức các hoạt động, thực hiện ký hợp đồng thời vụ khi triển khai thực hiện nhiệm vụ theo khả năng tự chủ. Kiểm tra, chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động hợp đồng tại Trung tâm huấn luyện thi đấu Thể dục thể thao của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và có biện pháp hiệu quả để chấn chỉnh công tác quản lý biên chế, tiền lương công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị theo đúng số biên chế được HĐND Thành phố giao, để sắp xếp bố trí theo vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao; kịp thời xem xét, điều chỉnh biên chế tạo điều kiện giúp các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

UBND Thành phố rà soát, bổ sung các quy định quản lý và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị nếu để xảy ra sai phạm; quy định việc gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý biên chế trong các đánh giá thi đua; có cơ chế kiểm soát chặt chẽ các khoản chi hành chính đúng đối tượng, đúng chế độ quy định. Có biện pháp, lộ trình cụ thể để các cơ quan, đơn vị chăm

dứt tình trạng ký hợp đồng lao động làm các nhiệm vụ chuyên môn thuộc trách nhiệm của công chức.

5. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức để nâng cao chất lượng tuyển dụng và phòng chống tiêu cực.

- Trong quý I/2015: hoàn thành kỳ thi tuyển công chức hành chính năm 2015;

- Trước tháng 6/2015: hoàn thành kỳ thi tuyển viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập đã được phân cấp tổ chức thi tuyển.

- Trước tháng 9/2015: hoàn thành kỳ tuyển dụng viên chức ngành giáo dục năm 2015.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, kiểm soát được việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức.

UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2014 và Kế hoạch sử dụng biên chế năm 2015 của thành phố Hà Nội.

Kính trình HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Ban Pháp chế HĐND TP;
- Các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUBNDTP: CVP, PCVP, TH, NC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Khanh

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ GIAO NĂM 2014				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2015				TĂNG, GIẢM SO VỚI GIAO NĂM 2014			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức	LDHD theo định mức	LDHD theo NB68		Biên chế công chức	LDHD theo định mức	LDHD theo NB68	HDLD khác		Biên chế công chức	LDHD theo định mức (để kiện toàn tổ chức theo quy định)	LDHD theo NB68		Biên chế công chức	LDHD theo định mức	LDHD theo NB68
	TỔNG TOÀN THÀNH PHỐ	10 989	9 408	634	947	11 072	8 094	379	848	1 751	11 066	9 408	379	1 279	77		- 255	332
A	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH	6 770	5 478	622	670	6 431	4 693	379	544	815	6 660	5 478	379	803	- 110		- 243	133
1	VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ	192	143	2	47	185	133		47	5	194	143		51	2		-2	4
2	VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QH VÀ HĐND THÀNH PHỐ	73	60		13	64	48		13	3	76	60		16	3			3
3	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	92	77	2	13	86	63		7	16	90	77		13	-2		-2	
4	SỞ NỘI VỤ	176	137	1	38	144	116		27	1	178	137		41	2		-1	3
5	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	854	648	66	140	811	569		127	115	792	648		144	-62		-66	4
6	SỞ CÔNG THƯƠNG	802	734	9	59	759	640		51	68	837	734		103	35		-9	44
7	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	208	171	20	17	200	158		13	29	188	171		17	-20		-20	
8	SỞ TÀI CHÍNH	271	242	10	19	236	196		12	28	261	242		19	-10		-10	
9	SỞ XÂY DỰNG	1 736	1 412	249	75	1 696	1 181		50	223	1 747	1 412		93	11		- 7	18
	Khối Văn phòng Sở	182	159	7	16	192	133		17	42	175	159		16	- 7		- 7	
	Thanh tra Xây dựng	1 554	1 253	242	59	1 504	1 048	242	33	181	1 572	1 253	242	77	18			18
10	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	751	461	204	86	696	419		81	59	721	461		123	-30		-67	37
	Khối Văn phòng Sở	160	135	9	16	149	126		11	12	163	135		28	3		-9	12
	Thanh tra GTVT	591	326	195	70	547	293	137	70	47	558	326	137	95	-33		-58	25

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ GIAO NĂM 2014				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2015				TĂNG, GIẢM SO VỚI GIAO NĂM 2014			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức	LDHD theo định mức	LDHD theo ND68		Biên chế công chức	LDHD theo định mức	LDHD theo ND68	HDLD khác		Biên chế công chức	LDHD theo định mức (để kiến toàn tổ chức theo quy định)	LDHD theo ND68		Biên chế công chức	LDHD theo định mức	LDHD theo ND68
11	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	131	112	4	15	113	86		9	18	131	112		19			-4	4
12	SỞ LAO ĐỘNG TB&XH	194	158	22	14	180	146		10	24	172	158		14	-22		-22	
13	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	163	147		16	141	128		13		166	147		19	3			3
14	SỞ Y TẾ HÀ NỘI	192	165	6	21	172	126		9	37	190	165		25	-2		-6	4
15	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO & DU LỊCH	216	181	10	25	191	119		18	54	206	181		25	-10		-10	
16	SỞ TƯ PHÁP	99	87	2	10	98	70		5	23	97	87		10	-2		-2	
17	SỞ NGOẠI VỤ	49	36	5	8	55	31		8	16	44	36		8	-5		-5	
18	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	197	171	10	16	226	160		12	54	187	171		16	-10		-10	
19	SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC	109	97		12	116	75		10	31	112	97		15	3			3
20	THANH TRA THÀNH PHỐ	133	126		7	125	119		6		133	126		7				
21	BAN DÂN TỘC	22	18		4	25	20		3	2	26	18		8	4			4
22	BAN CHỈ ĐẠO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THÀNH PHỐ	42	36		6	43	33		5	5	44	36		8	2			2
23	BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT	68	59		9	69	57		8	4	68	59		9				
B	KHỐI QUẬN, HUYỆN:	4 208	3 919	12	277	4 641	3 401		304	936	4 395	3 919		476	187		- 12	199
1	UBND QUẬN HOÀN KIẾM	149	139	2	8	168	137		4	27	159	139		20	10		- 2	12
2	UBND QUẬN HAI BÀ TRUNG	169	158	3	8	220	139		8	73	186	158		28	17		- 3	20
3	UBND QUẬN BA ĐÌNH	153	139	5	9	172	123		3	46	155	139		16	2		- 5	7
4	UBND QUẬN ĐÔNG ĐA	175	162		13	150	138		12		188	162		26	13			13
5	UBND QUẬN TÂY HỒ	131	123		8	123	108		4	11	137	123		14	6			6

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ GIAO NĂM 2014				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2015				TĂNG, GIẢM SO VỚI GIAO NĂM 2014			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND68		Biên chế công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND68	HDLĐ khác		Biên chế công chức	LĐHD theo định mức (để kiện toàn tổ chức theo quy định)	LĐHD theo ND68		Biên chế công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND68
6	UBND QUẬN THANH XUÂN	133	123		10	174	104		8	62	139	123		16	6			6
7	UBND QUẬN CẦU GIẤY	132	121		11	131	81		13	37	136	121		15	4			4
8	UBND QUẬN HOÀNG MAI	135	120		15	166	111		15	40	135	120		15				
9	UBND QUẬN LONG BIÊN	132	122		10	156	109		6	41	132	122		10				
10	UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM	132	122		10	134	72		18	44	140	122		18	8			8
11	UBND QUẬN BẮC TỪ LIÊM	132	122		10	138	73		16	49	140	122		18	8			8
12	UBND HUYỆN THANH TRÌ	152	135	2	15	151	118		13	20	152	135		17			- 2	2
13	UBND HUYỆN GIA LÂM	148	138		10	177	130		10	37	160	138		22	12			12
14	UBND HUYỆN ĐÔNG ANH	148	140		8	147	120		20	7	150	140		10	2			2
15	UBND HUYỆN SÓC SƠN	156	148		8	148	134		9	5	158	148		10	2			2
16	UBND HUYỆN BA VÌ	155	147		8	175	128		7	40	166	147		19	11			11
17	UBND THỊ XÃ SƠN TÂY	146	138		8	161	113		12	36	160	138		22	14			14
18	UBND HUYỆN THẠCH THÁT	136	128		8	114	109		5		138	128		10	2			2
19	UBND HUYỆN PHÚC THỌ	127	117		10	158	108		7	43	129	117		12	2			2
20	UBND HUYỆN ĐAN PHƯỢNG	126	118		8	141	104		15	22	130	118		12	4			4
21	UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC	133	125		8	175	123		7	45	135	125		10	2			2
22	UBND HUYỆN QUỐC OAI	137	129		8	180	115		25	40	151	129		22	14			14
23	UBND HUYỆN CHƯƠNG MỸ	136	126		10	167	111		11	45	148	126		22	12			12
24	UBND QUẬN HÀ ĐÔNG	154	146		8	156	127		7	22	159	146		13	5			5

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ GIAO NĂM 2014				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2015				TĂNG, GIẢM SO VỚI GIAO NĂM 2014			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND68		Biên chế công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND68	HDLĐ khác		Biên chế công chức	LĐHD theo định mức (để kiện toàn tổ chức theo quy định)	LĐHD theo ND68		Biên chế công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND68
25	UBND HUYỆN THANH OAI	123	115		8	123	103		9	11	125	115		10	2			2
26	UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN	130	122		8	122	105		7	10	133	122		11	3			3
27	UBND HUYỆN ỨNG HÒA	127	119		8	125	99		11	15	131	119		12	4			4
28	UBND HUYỆN PHÚ XUYÊN	129	121		8	157	115		8	34	129	121		8				
29	UBND HUYỆN MỸ ĐỨC	135	127		8	201	134		9	58	149	127		22	14			14
30	UBND HUYỆN MÊ LINH	137	129		8	131	110		5	16	145	129		16	8			8
C	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	11	11								11	11						

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Tờ trình số:...../TTr-UBND, ngày.....tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2014				CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2015					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2014			
		Tổng cộng	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Số lượng đơn vị	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LDHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LDHD theo ND68	LDHD theo định mức	Hợp đồng lao động khác			Biên chế viên chức	LDHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LDHD theo ND68	Định suất lao động
	TỔNG TOÀN THÀNH PHỐ	147 072	128 999	10 722	7 351	141 124	112 113	8 554	5 909	14 548	2 764	151 078	131 273	12 167	7 638	4 006	2 274	1 445	287
1	Khối đơn vị thuộc TP, Sở Ngành	47 346	43 171	3 975	200	47 084	32 386	3 018	200	11 480	438	48 682	43 662	4 820	200	1 336	491	845	
2	Khối các Hội được giao biên chế	471	372	34	65	587	290	51	65	181	11	472	373	34	65	1	1		
3	Khối đơn vị thuộc quận, huyện, thị xã	98 599	84 870	6 643	7 086	93 453	79 437	5 485	5 644	2 887	2 315	101 824	87 138	7 313	7 373	3 225	2 268	670	287
4	Biên chế dự phòng	656	586	70								100	100			- 556	- 486	- 70	
A	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH	47 346	43 171	3 975	200	47 084	32 386	3 018	200	11 480	438	48 682	43 662	4 820	200	1 336	491	845	
1	VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ	115	111	4		90	42			48	3	115	111	4					
2	SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG	144	142	2		252	115			137	7	144	142	2					
3	SỞ NỘI VỤ	24	24			14	13			1	1	24	24						
4	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	2 317	2 006	111	200	2 223	877	91	200	1 055	17	2 328	2 006	122	200	11		11	
5	SỞ CÔNG THƯƠNG	115	105	10		119	97	10		12	4	117	105	12		2		2	
6	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	65	65			74	60			14	2	65	65						
7	SỞ TÀI CHÍNH	4	3	1		3	3				1	4	3	1					
8	SỞ XÂY DỰNG	464	421	43		476	176	40		260	11	467	421	46		3		3	
9	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	532	475	57		614	409	42		163	10	539	475	64		7		7	
10	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	102	93	9		70	55	6		9	6	104	93	11		2		2	
TI	SỞ LAO ĐỘNG TB&XH	3 208	1 742	1 466		2 750	1 267	1 049		434	36	3 208	1 742	1 466					

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2014				CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2015					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2014			
		Tổng cộng	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Số lượng đơn vị	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LDHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LDHD theo ND68	LDHD theo định mức	Hợp đồng lao động khác			Biên chế viên chức	LDHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LDHD theo ND68	Định suất lao động
12	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	12 344	11 677	667		11 488	10 972	503		13	172	12 224	11 466	758		- 120	- 211	91	
13	SỞ Y TẾ HÀ NỘI	21 273	20 139	1 134		21 564	13 613	1 006		6 945	90	22 642	20 825	1 817		1 369	686	683	
14	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH	1 622	1 400	222		2 093	919	102		1 072	22	1 622	1 400	222					
15	SỞ TƯ PHÁP	301	288	13		367	252	13		102	13	306	286	20		5	- 2	7	
16	SỞ NGOẠI VỤ	8	8			8	4			4	1	8	8						
17	SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG	385	361	24		471	318	10		143	7	394	361	33		9		9	
18	SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC	106	97	9		93	59	7		27	3	110	97	13		4		4	
19	BAN CHỈ ĐẠO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	64	58	6		100	47	4		49	1	64	58	6					
20	BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT	48	48			48	38			10	4	49	48	1		1		1	
21	TRUNG TÂM BẢO TỒN DI SẢN THĂNG LONG	131	120	11		220	120	11		89	1	131	120	11					
22	ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH HÀ NỘI	597	582	15		703	497	8		198	1	597	582	15					
23	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	103	95	8		77	50	7		20	1	103	95	8					
24	QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT THÀNH PHỐ HÀ NỘI	40	34	6		34	32	2			1	40	34	6					
25	BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI	65	60	5		70	50	5		15	1	65	60	5					
26	BAN DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ	129	124	5		127	75	1		51	1	129	124	5					
27	BAN QL DỰ ÁN HẠ TẦNG TÀI NGÂN	112	102	10		126	60	2		64	1	112	102	10					
28	BAN QL CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	120	115	5		99	80	5		14	1	110	100	10		- 10	- 15	5	
29	VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG	150	145	5		146	101	3		42	1	148	145	3		- 2		- 2	
30	VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI	88	79	9		74	61	3		10	1	85	79	6		- 3		- 3	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2014				CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2015					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2014			
		Tổng cộng	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Số lượng đơn vị	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	LĐHD theo định mức	Hợp đồng lao động khác			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động
31	BÁO KINH TẾ ĐÔ THỊ	30	24	6		93	20	6		67	1	30	24	6					
32	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN TP	14	14			9		9			2	15	14	1		1		1	
33	TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ LÊ HỒNG PHONG	168	154	14		128	108	14		6	1	170	154	16		2		2	
34	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỆ THUẬT HÀ NỘI	146	143	3		146	132	2		12	1	149	143	6		3		3	
35	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÀ NỘI	260	252	8		328	249	1		78	1	260	252	8					
36	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI	196	191	5		191	131	3		57	1	203	191	12		7		7	
37	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI	221	216	5		224	201	2		21	1	217	212	5		- 4	- 4		
38	TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI	196	188	8		116	102	3		11	1	196	188	8					
39	TRƯỜNG CAO NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	299	290	9		262	183	6		73	1	299	290	9					
40	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ TÂY	190	181	9		168	148	11		9	1	190	179	11			- 2	2	
41	TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH	204	196	8		199	160	6		33	1	204	196	8					
42	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHỆ CAO HN	139	127	12		144	84	9		51	1	139	127	12					
43	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG	146	139	7		154	124	7		23	1	146	139	7					
44	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÀ TÂY	278	264	14		228	208	9		11	1	278	264	14					
45	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HN	83	73	10		99	72			27	1	83	73	10					
46	TRƯỜNG CAO ĐẲNG VIỆT NAM - HÀN QUỐC					2	2				1	49	39	10		49	39	10	
B	KHỎI HỘI ĐƯỢC GIAO BIÊN CHẾ	471	372	34	65	587	290	51	65	181	11	472	373	34	65	1	1	0	0
1	HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT THÀNH PHỐ	23	9	2	12	23	9	2	12	0	1	23	9	2	12	0	0	0	0
2	LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ THÀNH PHỐ	16	14	2	0	16	10	2	0	4	1	16	14	2	0	0	0	0	0

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2014				CÓ MẬT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2015					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2014			
		Tổng cộng	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Số lượng đơn vị	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	LĐHD theo định mức	Hợp đồng lao động khác			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động
3	LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT THÀNH PHỐ	9	3	4	2	9	3	2	2	2	1	9	3	4	2	0	0	0	0
4	HỘI CHỮ THẬP ĐỎ	21	19	2	0	20	18	2	0	0	1	21	19	2	0	0	0	0	0
5	HỘI NGƯỜI MÙ	26	0	4	22	26	0	4	22	0	1	26	0	4	22	0	0	0	0
6	HỘI LUẬT GIA	5	5	0	0	5	3	0	0	2	1	5	5	0	0	0	0	0	0
7	HỘI NHÀ BÁO	7	5	1	1	7	5	1	1	0	1	7	5	1	1	0	0	0	0
8	HỘI ĐỒNG Y	24	20	2	2	24	20	2	2	0	1	24	20	2	2	0	0	0	0
9	HỘI KHUYẾN HỌC	1	0	0	1	1	0	0	1	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0
10	HỘI CỨU THANH NIÊN XUNG PHONG THÀNH PHỐ	8	0	2	6	9	0	2	6	1	1	8	0	2	6	0	0	0	0
11	LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ THÀNH PHỐ	47	26	2	19	48	27	2	19	0	1	48	27	2	19	1	1	0	0
12	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC THÀNH ĐOÀN	284	271	13	0	399	195	32	0	172	0	284	271	13	0	0	0	0	0
C	KHỐI QUẬN, HUYỆN:	98 599	84 870	6 643	7 086	93 453	79 437	5 485	5 644	2 887	2 315	101 824	87 138	7 313	7 373	3 225	2 268	670	287
1	UBND QUẬN HOÀN KIẾM	2 296	2 010	159	127	2 112	1 813	151	60	88	53	2 225	1 919	210	96	- 71	- 91	51	- 31
A	Khối sự nghiệp trực thuộc:	190	188		2	238	150			88	14	201	172	25	4	11	- 16	25	2
B	Khối trường trực thuộc	2 106	1 822	159	125	1 874	1 663	151	60		39	2 024	1 747	185	92	- 82	- 75	26	- 33
2	UBND QUẬN HAI BÀ TRUNG	3 025	2 640	220	165	2 792	2 321	219	126	126	74	3 043	2 635	234	174	18	- 5	14	9
A	Khối sự nghiệp trực thuộc:	153	153			260	134			126	11	144	136	8		- 9	- 17	8	
B	Khối trường trực thuộc	2 872	2 487	220	165	2 532	2 187	219	126		63	2 899	2 499	226	174	27	12	6	9
3	UBND QUẬN BA ĐÌNH	2 729	2 366	191	172	2 587	2 238	168	150	31	60	2 800	2 426	206	168	71	60	15	- 4
A	Khối sự nghiệp trực thuộc:	153	148		5	151	115		5	31	11	163	148	10	5	10		10	
B	Khối trường trực thuộc	2 576	2 218	191	167	2 436	2 123	168	145		49	2 637	2 278	196	163	61	60	5	- 4
4	UBND QUẬN ĐÔNG ĐA	3 341	2 878	244	219	3 049	2 719	204	120	6	73	3 443	2 959	258	226	102	81	14	7

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2014				CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2015					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2014			
		Tổng cộng	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Số lượng đơn vị	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	LĐHD theo định mức	Hợp đồng lao động khác			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	149	145	4		151	140	5		6	11	159	145	14		10		10	
B	Khởi trường trực thuộc	3 192	2 733	240	219	2 898	2 579	199	120		62	3 284	2 814	244	226	92	81	4	7
5	UBND QUẬN TÂY HỒ	1 643	1 409	111	123	1 563	1 297	101	100	65	37	1 709	1 469	117	123	66	60	6	
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	194	192		2	212	144	1	2	65	13	206	192	12	2	12		12	
B	Khởi trường trực thuộc	1 449	1 217	111	121	1 351	1 153	100	98		24	1 503	1 277	105	121	54	60	- 6	
6	UBND QUẬN THANH XUÂN	1 927	1 648	148	131	1 775	1 600	102	73		48	2 124	1 811	168	145	197	163	20	14
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	143	120	21	2	123	121		2		11	143	120	21	2				
B	Khởi trường trực thuộc	1 784	1 528	127	129	1 652	1 479	102	71		37	1 981	1 691	147	143	197	163	20	14
7	UBND QUẬN CẦU GIẤY	2 376	2 083	144	149	2 204	1 829	171	72	132	49	2 439	2 198	152	89	63	115	8	- 60
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	165	163		2	214	131	27	4	52	15	173	163	8	2	8		8	
B	Khởi trường trực thuộc	2 211	1 920	144	147	1 990	1 698	144	68	80	34	2 266	2 035	144	87	55	115		- 60
8	UBND QUẬN HOÀNG MAI	2 975	2 527	224	224	2 842	2 315	199	180	148	67	3 152	2 675	238	239	177	148	14	15
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	189	182	4	3	187	103	4		80	14	195	182	10	3	6		6	
B	Khởi trường trực thuộc	2 786	2 345	220	221	2 655	2 212	195	180	68	53	2 957	2 493	228	236	171	148	8	15
9	UBND QUẬN LONG BIÊN	3 148	2 659	230	259	3 043	2 528	242	194	79	69	3 316	2 800	252	264	168	141	22	5
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	111	111			183	104			79	10	117	111	6		6		6	
B	Khởi trường trực thuộc	3 037	2 548	230	259	2 860	2 424	242	194		59	3 199	2 689	246	264	162	141	16	5
10	UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM	1 820	1 563	107	150	1 722	1 455	112	113	42	40	1 888	1 610	115	163	68	47	8	13
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	122	122			104	50	5	49		12	130	115	8	7	8	- 7	8	7
B	Khởi trường trực thuộc	1 698	1 441	107	150	1 618	1 405	107	64	42	28	1 758	1 495	107	156	60	54		6
11	QUẬN BẮC TỪ LIÊM	2 483	2 119	152	212	2 331	1 947	162	149	73	50	2 540	2 143	157	240	57	24	5	28
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	135	133		2	148	53	11	66	18	12	127	114	6	7	- 8	- 19	6	5
B	Khởi trường trực thuộc	2 348	1 986	152	210	2 183	1 894	151	83	55	38	2 413	2 029	151	233	65	43	- 1	23

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2014				CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2015					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2014			
		Tổng cộng	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Số lượng đơn vị	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	LĐHD theo định mức	Hợp đồng lao động khác			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động
12	UBND HUYỆN THANH TRÌ	3 521	2 931	275	315	3 303	2 791	253	244	15	80	3 628	3 023	299	306	107	92	24	- 9
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	180	177	1	2	174	145	1	13	15	13	166	152	12	2	- 14	- 25	11	
B	Khởi trường trực thuộc	3 341	2 754	274	313	3 129	2 646	252	231		67	3 462	2 871	287	304	121	117	13	- 9
13	UBND HUYỆN GIA LÂM	3 641	3 110	253	278	3 373	2 916	160	268	29	84	3 643	3 064	291	288	2	- 46	38	10
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	174	173		1	175	146			29	13	159	148	10	1	- 15	- 25	10	
B	Khởi trường trực thuộc	3 467	2 937	253	277	3 198	2 770	160	268		71	3 484	2 916	281	287	17	- 21	28	10
14	UBND HUYỆN ĐÔNG ANH	5 210	4 448	284	478	4 604	4 073	250	251	30	100	5 296	4 515	290	491	86	67	6	13
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	177	173		4	167	127	5	5	30	14	178	168	6	4	1	- 5	6	
B	Khởi trường trực thuộc	5 033	4 275	284	474	4 437	3 946	245	246		86	5 118	4 347	284	487	85	72		13
15	UBND HUYỆN SÓC SƠN	5 138	4 399	387	352	4 940	4 133	424	350	33	106	5 245	4 455	403	387	107	56	16	35
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	262	257	3	2	264	191	40		33	17	262	244	11	7		- 13	8	5
B	Khởi trường trực thuộc	4 876	4 142	384	350	4 676	3 942	384	350		89	4 983	4 211	392	380	107	69	8	30
16	UBND HUYỆN BA VÌ	4 731	4 048	329	354	4 622	3 807	337	266	212	119	5 200	4 392	448	360	469	344	119	6
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	140	138	2		162	138	2		22	9	146	138	8		6		6	
B	Khởi trường trực thuộc	4 591	3 910	327	354	4 460	3 669	335	266	190	110	5 054	4 254	440	360	463	344	113	6
17	UBND THỊ XÃ SƠN TÂY	2 204	1 920	135	149	2 047	1 711	78	108	150	56	2 296	2 005	138	153	92	85	3	4
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	214	211	2	1	254	123	50		81	11	216	211	4	1	2		2	
B	Khởi trường trực thuộc	1 990	1 709	133	148	1 793	1 588	28	108	69	45	2 080	1 794	134	152	90	85	1	4
18	UBND HUYỆN THẠCH THÁT	3 732	3 251	238	243	3 414	2 938	119	230	127	88	3 656	3 160	249	247	- 76	- 91	11	4
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	180	174	2	4	203	98	39		66	11	190	174	12	4	10		10	
B	Khởi trường trực thuộc	3 552	3 077	236	239	3 211	2 840	80	230	61	77	3 466	2 986	237	243	- 86	- 91	1	4
19	UBND HUYỆN PHÚC THỌ	3 165	2 715	218	232	2 907	2 432	212	113	150	83	3 182	2 725	222	235	17	10	4	3
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	148	143	2	3	160	95	21		44	11	152	143	6	3	4		4	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2014				CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2015					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2014			
		Tổng cộng	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Số lượng đơn vị	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	LĐHD theo định mức	Hợp đồng lao động khác			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động
B	Khởi trường trực thuộc	3 017	2 572	216	229	2 747	2 337	191	113	106	72	3 030	2 582	216	232	13	10		3
20	UBND HUYỆN ĐAN PHƯỢNG	2 458	2 152	161	145	2 409	2 057	157	110	85	62	2 559	2 215	180	164	101	63	19	19
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	116	111	5		161	93	10		58	10	121	111	10		5		5	
B	Khởi trường trực thuộc	2 342	2 041	156	145	2 248	1 964	147	110	27	52	2 438	2 104	170	164	96	63	14	19
21	UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC	3 845	3 331	209	305	3 575	3 074	37	260	204	82	3 988	3 411	219	358	143	80	10	53
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	146	140	3	3	157	108	9		40	12	153	140	10	3	7		7	
B	Khởi trường trực thuộc	3 699	3 191	206	302	3 418	2 966	28	260	164	70	3 835	3 271	209	355	136	80	3	53
22	UBND HUYỆN QUỐC OAI	3 364	2 958	213	193	3 508	2 917	185	193	213	82	3 552	3 081	252	219	188	123	39	26
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	137	134	2	1	176	115	8		53	10	146	134	11	1	9		9	
B	Khởi trường trực thuộc	3 227	2 824	211	192	3 332	2 802	177	193	160	72	3 406	2 947	241	218	179	123	30	26
23	UBND HUYỆN CHƯƠNG MỸ	4 785	4 146	324	315	4 415	3 818	120	301	176	118	4 885	4 228	330	327	100	82	6	12
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	143	141	2		158	108	3		47	10	152	141	8	3	9		6	3
B	Khởi trường trực thuộc	4 642	4 005	322	315	4 257	3 710	117	301	129	108	4 733	4 087	322	324	91	82		9
24	UBND QUẬN HÀ ĐÔNG	3 604	3 140	217	247	3 548	3 122	180	202	44	81	3 736	3 215	248	273	132	75	31	26
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	215	192	21	2	222	153	25		44	15	225	192	31	2	10		10	
B	Khởi trường trực thuộc	3 389	2 948	196	245	3 326	2 969	155	202		66	3 511	3 023	217	271	122	75	21	26
25	UBND HUYỆN THANH OAI	3 415	2 948	219	248	3 387	2 844	130	383	30	79	3 585	3 094	219	272	170	146		24
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	127	120	5	2	130	85	14	1	30	10	127	120	5	2				
B	Khởi trường trực thuộc	3 288	2 828	214	246	3 257	2 759	116	382		69	3 458	2 974	214	270	170	146		24
26	UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN	3 896	3 347	265	284	3 620	3 270	243	100	7	99	3 937	3 428	272	237	41	81	7	- 47
A	Khởi sự nghiệp trực thuộc:	133	131	1	1	115	106	2		7	11	138	129	8	1	5	- 2	7	
B	Khởi trường trực thuộc	3 763	3 216	264	283	3 505	3 164	241	100		88	3 799	3 299	264	236	36	83		- 47
27	UBND HUYỆN ỨNG HÒA	3 519	3 012	272	235	3 185	2 573	155	232	225	100	3 620	3 043	325	252	101	31	53	17

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2014				CÓ MẶT ĐẾN 01/9/2014					KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2015					TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2014			
		Tổng cộng	Trong đó			Tổng số	Trong đó				Số lượng đơn vị	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	LĐHD theo định mức	Hợp đồng lao động khác			Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động		Biên chế viên chức	LĐHD theo ND68	Định suất lao động
A	Khối sự nghiệp trực thuộc:	114	111	2	1	107	76	18		13	10	119	107	8	4	5	- 4	6	3
B	Khối trường trực thuộc	3 405	2 901	270	234	3 078	2 497	137	232	212	90	3 501	2 936	317	248	96	35	47	14
28	UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN	3 835	3 273	264	298	3 792	3 220	132	219	221	103	3 993	3 415	269	309	158	142	5	11
A	Khối sự nghiệp trực thuộc:	141	141			169	122	10		37	11	149	141	8		8		8	
B	Khối trường trực thuộc	3 694	3 132	264	298	3 623	3 098	122	219	184	92	3 844	3 274	261	309	150	142	- 3	11
29	UBND HUYỆN MỸ ĐỨC	3 494	3 032	225	237	3 617	3 004	270	295	48	87	3 677	3 080	312	285	183	48	87	48
A	Khối sự nghiệp trực thuộc:	189	184	2	3	260	169	43		48	11	195	184	8	3	6		6	
B	Khối trường trực thuộc	3 305	2 848	223	234	3 357	2 835	227	295		76	3 482	2 896	304	282	177	48	81	48
30	UBND HUYỆN MÊ LINH	3 279	2 807	225	247	3 167	2 675	212	182	98	86	3 467	2 944	240	283	188	137	15	36
A	Khối sự nghiệp trực thuộc:	136	136			195	119	1		75	12	154	136	15	3	18		15	3
B	Khối trường trực thuộc	3 143	2 671	225	247	2 972	2 556	211	182	23	74	3 313	2 808	225	280	170	137		33
C	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	656	586	70								100	100			- 556	- 486	- 70	

BIỂU 3
PHỤ LỤC DANH MỤC ĐƠN VỊ THÀNH LẬP MỚI, KIẾN TOÀN
HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ TRONG NĂM 2014

A. Chia tách, thành lập mới:

I. Khối sở, ngành: sử dụng 97 biên chế, để thành lập:

1. Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Hà Nội.
2. Trường Cao đẳng Công nghệ và môi trường Hà Nội (trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nông nghiệp thuộc Sở Giáo dục và đào tạo).
3. Trung tâm phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (thành lập trên cơ sở hợp nhất trạm Phân tích và chứng nhận sản phẩm cây trồng thuộc Chi cục Bảo vệ thực vật và Trạm Kiểm định chất lượng nông lâm và thủy sản thuộc Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội).
4. 2 Trường THPT Phúc Lợi và Trường THPT Minh Quang, thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo
5. 2 Trung tâm Y tế quận Nam Từ Liêm và quận Bắc Từ Liêm, thuộc Sở Y tế (trên cơ sở chia tách từ Trung tâm Y tế huyện Từ Liêm).
6. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Hà Nội, thuộc Sở Khoa học và Công nghệ

II. Khối quận, huyện, thị xã: sử dụng 136 biên chế, để thành lập:

1. Thêm 8 đơn vị sự nghiệp (79 biên chế) tại 2 quận mới Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm (gồm Trung tâm Văn hóa, Trung tâm TDTT, Trung tâm phát triển quỹ đất, Trung tâm Dân số KHHGD, Ban quản lý dự án, Ban quản lý chợ, Ban Bồi thường GPMB, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - trên cơ sở tách từ bộ máy thuộc huyện Từ Liêm trước đây).
2. 07 Trung tâm phát triển cụm công nghiệp (47 biên chế) tại các quận, huyện: Hà Đông, Đan Phượng, Đông Anh, Thanh Oai, Thường Tín, Phú Xuyên, Thạch Thất.
3. Trung tâm Văn hóa huyện Chương Mỹ (10 biên chế).
4. Ngoài ra các quận, huyện, thị xã chia tách, xây dựng mới 20 trường học trong năm (được giao trong kế hoạch biên chế năm 2015).

B. Sáp nhập, giải thể:

1. Sáp nhập Trung tâm da liễu Hà Đông vào Bệnh viện da liễu Hà Nội, thuộc Sở Y tế,
2. Giải thể Đài truyền thanh huyện Từ Liêm,.
3. Chuyển đổi Ban Quản lý chợ Mơ quận Hai Bà Trưng sang doanh nghiệp.
4. Chuyển đổi 5 xí nghiệp môi trường các huyện Từ Liêm, Thanh Trì, Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn sang doanh nghiệp./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND
(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2015

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT
(từ ngày 02/12/2014 đến ngày 06/12/2014)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày tháng 11 năm 2014 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2015; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2015 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế hành chính: 11.066 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 9.408 biên chế (trong đó có 11 biên chế dự phòng).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.279 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 379 chỉ tiêu.

2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 151.078 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 131.273 biên chế (trong đó có 100 biên chế dự phòng).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 12.167 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 7.638 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp theo Nghị quyết của HĐND Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các đơn vị, địa phương chủ động thực hiện ngay từ đầu năm.

2. Trong năm 2015, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp (bao gồm cả số lượng dự phòng công chức hành chính và viên chức sự nghiệp), UBND Thành phố thống nhất với

Thường trực HĐND Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp cuối năm.

3. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI và các Nghị quyết của HĐND Thành phố về tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng biên chế.

4. Hoàn thành Đề án vị trí việc làm các cơ quan thuộc thành phố trong năm 2015, làm cơ sở thẩm định giao biên chế cho các đơn vị trình HĐND Thành phố vào kỳ họp cuối năm 2015 theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo nguyên tắc tạo sự chủ động cho đơn vị sử dụng hiệu quả biên chế được giao trên cơ sở tổng biên chế không thay đổi.

5. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức theo hướng khách quan, minh bạch, công bằng, đảm bảo tuyển chọn được những người đủ đức, đủ tài vào bộ máy các cơ quan của Thành phố. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác tuyển dụng viên chức theo phân cấp. Hoàn thành kỳ thi tuyển công chức, viên chức trước tháng 7 (riêng ngành giáo dục hoàn thành thi tuyển trước tháng 9).

6. Quyết liệt rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố gắn với yêu cầu tinh giản bộ máy, biên chế. Kiên quyết tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các đơn vị hoạt động hiệu quả thấp, hoặc đã hết chức năng, nhiệm vụ. Những đơn vị đã được thống nhất đưa vào diện rà soát, sắp xếp lại, đề nghị UBND Thành phố không giao thêm chức năng, nhiệm vụ để tập trung hoàn thành rà soát. Cụ thể:

- Sắp xếp Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận, huyện, thị xã theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, hoàn thành trong năm 2014.

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng Thành phố, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và Trung tâm phát triển quỹ đất các quận, huyện, thị xã, đề kiện toàn, sắp xếp phù hợp quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Rà soát về quản lý, sử dụng biên chế tại các Ban quản lý dự án của các sở, ngành và quận, huyện, thị xã, tiến tới chỉ giao biên chế để hình thành bộ khung tổ chức các hoạt động, thực hiện ký hợp đồng thời vụ khi triển khai thực hiện nhiệm vụ theo khả năng tự chủ. Kiểm tra, chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động hợp đồng tại Trung tâm huấn luyện thi đấu Thể dục thể thao của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, tiến hành hiệu quả các biện pháp để chấn chỉnh công tác quản lý biên chế, tiền lương công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị. Rà soát, bổ sung các quy định quản lý và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị nếu để xảy ra sai phạm; quy định việc gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý biên chế trong các đánh giá thi đua; có cơ chế kiểm soát chặt chẽ các khoản chi hành chính đúng đối tượng theo biên

chế, đúng chế độ quy định. Có biện pháp, lộ trình cụ thể để các cơ quan, đơn vị chấm dứt tình trạng ký hợp đồng lao động làm các nhiệm vụ chuyên môn thuộc trách nhiệm của công chức.

8. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, kiểm soát được việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XIV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng 12 năm 2014./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của QH; VPQH; VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP; UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Ngô Thị Doãn Thanh

**KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH
TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2015**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số :...../NQ-HĐND ngàytháng 12 năm 2014
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2015			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức	LĐHĐ theo định mức (để kiện toàn tổ chức theo quy định)	LĐHĐ theo ND68
	TỔNG TOÀN THÀNH PHỐ	11 066	9 408	379	1 279
A	KHOI SỞ, BAN, NGÀNH	6 660	5 478	379	803
1	VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ	194	143		51
2	VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QH VÀ HĐND THÀNH PHỐ	76	60		16
3	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	90	77		13
4	SỞ NỘI VỤ	178	137		41
5	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	792	648		144
6	SỞ CÔNG THƯƠNG	837	734		103
7	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	188	171		17
8	SỞ TÀI CHÍNH	261	242		19
9	SỞ XÂY DỰNG	1 747	1 412	242	93
10	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	721	461	137	123
11	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	131	112		19
12	SỞ LAO ĐỘNG TB&XH	172	158		14
13	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	166	147		19
14	SỞ Y TẾ HÀ NỘI	190	165		25
15	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO & DU LỊCH	206	181		25
16	SỞ TƯ PHÁP	97	87		10
17	SỞ NGOẠI VỤ	44	36		8
18	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	187	171		16
19	SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC	112	97		15
20	THANH TRA THÀNH PHỐ	133	126		7

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2015			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức	LĐHD theo định mức (để kiện toàn tổ chức theo quy định)	LĐHD theo ND68
21	BAN DÂN TỘC	26	18		8
22	BAN CHỈ ĐẠO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THÀNH PHỐ	44	36		8
23	BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT	68	59		9
B	KHỐI QUẬN, HUYỆN:	4 395	3 919		476
1	UBND QUẬN HOÀN KIẾM	159	139		20
2	UBND QUẬN HAI BÀ TRUNG	186	158		28
3	UBND QUẬN BA ĐÌNH	155	139		16
4	UBND QUẬN ĐÔNG ĐA	188	162		26
5	UBND QUẬN TÂY HỒ	137	123		14
6	UBND QUẬN THANH XUÂN	139	123		16
7	UBND QUẬN CẦU GIẤY	136	121		15
8	UBND QUẬN HOÀNG MAI	135	120		15
9	UBND QUẬN LONG BIÊN	132	122		10
10	UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM	140	122		18
11	UBND QUẬN BẮC TỪ LIÊM	140	122		18
12	UBND HUYỆN THANH TRÌ	152	135		17
13	UBND HUYỆN GIA LÂM	160	138		22
14	UBND HUYỆN ĐÔNG ANH	150	140		10
15	UBND HUYỆN SÓC SƠN	158	148		10
16	UBND HUYỆN BA VÌ	166	147		19
17	UBND THỊ XÃ SƠN TÂY	160	138		22
18	UBND HUYỆN THẠCH THẤT	138	128		10
19	UBND HUYỆN PHÚC THỌ	129	117		12
20	UBND HUYỆN ĐAN PHƯỢNG	130	118		12
21	UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC	135	125		10
22	UBND HUYỆN QUỐC OAI	151	129		22

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2015			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức	LĐHD theo định mức (để kiện toàn tổ chức theo quy định)	LĐHD theo NĐ68
23	UBND HUYỆN CHƯƠNG MỸ	148	126		22
24	UBND QUẬN HÀ ĐÔNG	159	146		13
25	UBND HUYỆN THANH OAI	125	115		10
26	UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN	133	122		11
27	UBND HUYỆN ỨNG HÒA	131	119		12
28	UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN	129	121		8
29	UBND HUYỆN MỸ ĐỨC	149	127		22
30	UBND HUYỆN MÊ LINH	145	129		16
C	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	11	11		

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2015**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số:...../NQ-HĐND, ngày.....tháng 12 năm 2014
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2015			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LĐHĐ theo NĐ68	LĐHĐ theo định mức
	TỔNG TOÀN THÀNH PHỐ	151 078	131 273	12 167	7 638
A	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH	48 682	43 662	4 820	200
1	VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ	115	111	4	
2	SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG	144	142	2	
3	SỞ NỘI VỤ	24	24		
4	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	2 328	2 006	122	200
5	SỞ CÔNG THƯƠNG	117	105	12	
6	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	65	65		
7	SỞ TÀI CHÍNH	4	3	1	
8	SỞ XÂY DỰNG	467	421	46	
9	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	539	475	64	
10	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	104	93	11	
11	SỞ LAO ĐỘNG TB&XH	3 208	1 742	1 466	
12	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	12 224	11 466	758	
13	SỞ Y TẾ HÀ NỘI	22 642	20 825	1 817	
14	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH	1 622	1 400	222	
15	SỞ TƯ PHÁP	306	286	20	
16	SỞ NGOẠI VỤ	8	8		
17	SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG	394	361	33	
18	SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC	110	97	13	
19	BAN CHỈ ĐẠO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	64	58	6	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2015			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LĐHĐ theo ND68	LĐHĐ theo định mức
20	BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT	49	48	1	
21	TRUNG TÂM BẢO TỒN DI SẢN THĂNG LONG	131	120	11	
22	ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH HÀ NỘI	597	582	15	
23	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	103	95	8	
24	QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT THÀNH PHỐ HÀ NỘI	40	34	6	
25	BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI	65	60	5	
26	BAN DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ	129	124	5	
27	BAN QL DỰ ÁN HẠ TẦNG TÀI NGẠN	112	102	10	
28	BAN QL CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	110	100	10	
29	VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG	148	145	3	
30	VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI	85	79	6	
31	BÁO KINH TẾ ĐÔ THỊ	30	24	6	
32	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN TP	15	14	1	
33	TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ LÊ HỒNG PHONG	170	154	16	
34	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỆ THUẬT HÀ NỘI	149	143	6	
35	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÀ NỘI	260	252	8	
36	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI	203	191	12	
37	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI	217	212	5	
38	TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI	196	188	8	
39	TRƯỜNG CAO NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	299	290	9	
40	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ TÂY	190	179	11	
41	TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH	204	196	8	
42	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHỆ CAO HN	139	127	12	
43	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG	146	139	7	
44	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÀ TÂY	278	264	14	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2015			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LĐHĐ theo ND68	LĐHĐ theo định mức
45	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HN	83	73	10	
46	TRƯỜNG CAO ĐẲNG VIỆT NAM - HÀN QUỐC	49	39	10	
B	KHỎI HỘI ĐƯỢC GIAO BIÊN CHẾ	472	373	34	65
1	HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT THÀNH PHỐ	23	9	2	12
2	LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ THÀNH PHỐ	16	14	2	
3	LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT THÀNH PHỐ	9	3	4	2
4	HỘI CHỮ THẬP ĐỎ	21	19	2	
5	HỘI NGƯỜI MÙ	26		4	22
6	HỘI LUẬT GIA	5	5		
7	HỘI NHÀ BÁO	7	5	1	1
8	HỘI ĐÔNG Y	24	20	2	2
9	HỘI KHUYẾN HỌC	1			1
10	HỘI CỰU THANH NIÊN XUNG PHONG THÀNH PHỐ	8		2	6
11	LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ THÀNH PHỐ	48	27	2	19
12	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC THÀNH ĐOÀN	284	271	13	
C	KHỎI QUẬN, HUYỆN:	101 824	87 138	7 313	7 373
1	UBND QUẬN HOÀN KIẾM	2 225	1 919	210	96
2	UBND QUẬN HAI BÀ TRUNG	3 043	2 635	234	174
3	UBND QUẬN BA ĐÌNH	2 800	2 426	206	168
4	UBND QUẬN ĐÓNG ĐA	3 443	2 959	258	226
5	UBND QUẬN TÂY HỒ	1 709	1 469	117	123
6	UBND QUẬN THANH XUÂN	2 124	1 811	168	145
7	UBND QUẬN CẦU GIẤY	2 439	2 198	152	89
8	UBND QUẬN HOÀNG MAI	3 152	2 675	238	239
9	UBND QUẬN LONG BIÊN	3 316	2 800	252	264

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2015			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế viên chức	LDHĐ theo ND68	LDHĐ theo định mức
10	UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM	1 888	1 610	115	163
11	QUẬN BẮC TỪ LIÊM	2 540	2 143	157	240
12	UBND HUYỆN THANH TRÌ	3 628	3 023	299	306
13	UBND HUYỆN GIA LÂM	3 643	3 064	291	288
14	UBND HUYỆN ĐÔNG ANH	5 296	4 515	290	491
15	UBND HUYỆN SÓC SƠN	5 245	4 455	403	387
16	UBND HUYỆN BA VÌ	5 200	4 392	448	360
17	UBND THỊ XÃ SƠN TÂY	2 296	2 005	138	153
18	UBND HUYỆN THẠCH THẤT	3 656	3 160	249	247
19	UBND HUYỆN PHÚC THỌ	3 182	2 725	222	235
20	UBND HUYỆN ĐAN PHƯỢNG	2 559	2 215	180	164
21	UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC	3 988	3 411	219	358
22	UBND HUYỆN QUỐC OAI	3 552	3 081	252	219
23	UBND HUYỆN CHƯƠNG MỸ	4 885	4 228	330	327
24	UBND QUẬN HÀ ĐÔNG	3 736	3 215	248	273
25	UBND HUYỆN THANH OAI	3 585	3 094	219	272
26	UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN	3 937	3 428	272	237
27	UBND HUYỆN ỨNG HÒA	3 620	3 043	325	252
28	UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN	3 993	3 415	269	309
29	UBND HUYỆN MỸ ĐỨC	3 677	3 080	312	285
30	UBND HUYỆN MÊ LINH	3 467	2 944	240	283
D	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	100	100		